

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HSST

Ngày: 09/6/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Khắc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Phước Tâm**
Bà **Lê Thị Ngọc Châu**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Đào Kim Xoa** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Tân** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2016/HSST ngày 15/01/2016 đối với bị cáo:

NGUYỄN NGỌC N

- Sinh năm 1986.
- HKTT: ấp a, xã b, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- Nghề nghiệp: Không.
- Trình độ học vấn: 11/12.
- Con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm: 1952.
- Con bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1952.
- Vợ: Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1979 (đã ly hôn).
- Có 01 con, sinh năm 2010.
- Tiền án: Bị cáo có 03 tiền án.
- + Ngày 14/6/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

+ Ngày 14/7/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù của 02 bản án ngày 30/8/2013.

+ Ngày 19/8/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

- Tạm giữ ngày 16/12/2015.

- Tạm giam ngày 25/12/2015.

- Cho tại ngoại ngày 04/01/2016.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam Mỹ Phước thuộc Tổng cục VIII - Bộ công an đóng tại xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang (có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: **Lê Thị Bích T**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ **Trương Thị Kiều T**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

2/ **Trương Văn B**, sinh năm 1956 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Ngọc N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Ngọc N và Nguyễn Minh C có mối quan hệ bạn bè, cùng ngụ xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 16/12/2015, N rủ C đi cướp giật tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài được C đồng ý. Lúc này, N điện thoại cho bạn tên Trương Thị Kiều T, sinh năm 1990, ngụ ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Siriut màu đỏ đen, biển số 63B1-248.43 do Trương Văn B là cha của Kiều T đứng tên nhưng cho Kiều T sử dụng, nói dối là đi công chuyện thì được chị Kiều T đồng ý.

Sau khi nhận được xe, N giao xe cho C điều khiển chở N ngồi phía sau; cả hai xuất phát từ ngã ba A thuộc tỉnh Tiền Giang chạy theo quốc lộ 30 đến địa phận xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, tìm người có đeo dây chuyền để thực hiện hành vi cướp giật nhưng không phát hiện được ai nên cả hai quay đầu xe lại chạy về hướng A. Khi đến địa phận ấp A, xã B, huyện C, Nghiêm phát hiện chị Lê Thị Bích T sinh năm 1983, ngụ ấp B, xã B, huyện C, Đồng Tháp, điều khiển xe mô tô loại xe Airblade biển số 66M2-5125 màu đỏ đen chạy ngược chiều, trên cổ có đeo sợi dây chuyền vàng nên N nói cho C biết và kêu C quay xe lại đuổi theo, vượt lên bên trái áp sát xe của chị T, N ngồi phía sau dùng tay phải giật sợi dây chuyền làm

sợi dây chuyền bị đứt vướng vào khẩu trang của chị T đeo. Chị T dùng tay nắm giữ sợi dây chuyền do giằng co qua lại làm xe và chị T té ngã xuống đường, sợi dây chuyền cùng với mặt dây chuyền rơi lại tại hiện trường. Lúc này, chị T truy hô nên N và C tăng tốc chạy về hướng thành phố C thì bị quần chúng nhân dân phát hiện truy đuổi, điện thoại báo cho lực lượng Công an huyện C kết hợp bắt được cả hai tại ấp M, xã M, huyện C, Đồng Tháp. Qua đó tiến hành thu giữ vật chứng gồm: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Siriut màu đỏ đen, biển số 63B1-248.43, 01 nón bảo hiểm màu xanh, 01 nón bảo hiểm màu đen, 01 nón kết màu đen, 01 nệm nứa bằng gỗ. Thu giữ trong người của Nguyễn Minh C 01 điện thoại di động hiệu IL Mobile LV5 và 01 chìa khóa xe. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Siriut màu đỏ đen, biển số 63B1-248.43 cùng với chìa khóa xe không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lãnh đã trao trả cho chị Trương Thị Kiều T xong.

Riêng chị Lê Thị Bích T khi ngã xe bị xây sát nhẹ được người dân đỡ ngồi dậy, sau đó đi đến Công an xã B, huyện C trình báo sự việc và giao nộp sợi dây chuyền kiểu khoen lật vàng 18k dài 52cm, bị đứt móc khóa; 01 mặt dây chuyền vàng 18k hình tròn; 01 áo vải dài tay màu hồng bị rách ở tay phải, 01 khẩu trang vải bông trắng đen.

Ngày 21/12/2015, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã định giá: Sợi dây chuyền kiểu khoen lật vàng 18k dài 52cm, bị đứt hai móc khóa và 01 mặt dây chuyền vàng 18k hình tròn có tổng trọng lượng: 01 lượng 01 chỉ 09 phân trị giá 23.800.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trao trả toàn bộ số vàng và các vật chứng trên cho chị T xong. Chị T không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và làm đơn xin từ chối giám định thương tích.

Tại cáo trạng số 02/CT – VKS ngày 14/01/2016 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh đã truy tố bị cáo **Nguyễn Ngọc N** về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm c, d khoản 2 Điều 136; truy tố bị cáo **Nguyễn Minh C** về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh C đã bị Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử xong theo bản án hình sự sơ thẩm số 14/2016/HSST ngày 15/4/2016 về tội “*Cướp giật tài sản*”.

Còn bị cáo Nguyễn Ngọc N, Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã tạm đình chỉ xét xử vào ngày 23/3/2016 với lý do bị cáo bị bệnh hiểm nghèo đang điều trị bệnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh đã nêu. Chính bị cáo đã cùng Nguyễn Minh C sử dụng xe mô tô biển số 63B1-248.43 chạy trên đường quốc lộ 30 đến địa phận ấp A, xã B, huyện C, thực hiện hành vi cướp giật sợi dây chuyền kiểu khoen lật vàng 18k có tổng trọng lượng: 01 lượng 01 chỉ 09 phân trị giá 23.800.000 đồng của chị Lê Thị Bích T đang chạy xe trên đường vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 16/12/2015, nhằm mục đích đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân thì bị bắt quả tang.

Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo là có tội, đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Tại Điều 136 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

a) ...

c) Tái phạm nguy hiểm;

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm”;

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Ngọc N: Bị cáo đã có tiền án về tội “Cướp giật tài sản” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”, chưa được xóa án tích. Đáng lý ra, bị cáo phải biết ăn năn hối cải, tự rèn luyện sửa chữa bản thân để trở thành công dân tốt. Nhưng bị cáo không làm được điều này, ngược lại bị cáo vẫn chứng nào tật ấy. Do bản tính tham lam, không lo làm ăn lương thiện, thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên bị cáo đã có hành vi phạm tội như đã nêu trên. Khi thực hiện tội phạm, bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi. Bị cáo nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, phải chịu chế tài nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động nên bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người bị hại một cách trái pháp

luật. Chứng tỏ việc phạm tội của bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành.

Trong vụ án này, bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm với bị Nguyễn Minh C nhưng không có sự câu kết chặt chẽ với nhau, không có sự phân công, bàn bạc, sắp đặt vai trò cụ thể cho nhau, không chịu sự điều khiển của người nào và cũng không hứa hẹn ăn chia như thế nào nên đây chỉ là dạng đồng phạm giản đơn.

Bị cáo N là người trực tiếp khởi xướng rủ bị cáo C thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Bị cáo đã chuẩn bị phương tiện đi cướp giật đồng thời là người trực tiếp giật sợi dây chuyền của người bị hại. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

Do bị cáo đã dùng xe phân khối lớn là nguồn nguy hiểm cao độ chạy áp sát vào xe của người bị hại đang lưu thông trên đường để cướp giật tài sản là rất nguy hiểm. Bị cáo thừa biết làm như vậy sẽ dẫn đến gây ra tai nạn giao thông, gây thương tật hoặc dẫn đến chết người đối với bị hại nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Ngoài ra, bị cáo có 03 tiền án về tội “Cướp giật tài sản” và tội “Cưỡng đoạt tài sản”, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện tội phạm nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Cho nên, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung là “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” và “*Tái phạm nguy hiểm*” được quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo và liều lĩnh, giật tài sản của người bị hại ngay giữa ban ngày mà không sợ bị phát hiện, chứng tỏ khả năng học tập cải tạo của bị cáo rất kém, bị cáo rất xem thường và bất chấp pháp luật. Hành vi đó đã gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương nơi xảy ra vụ án. Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là việc làm cần thiết. Đối với bị cáo cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Về nhân thân, bị cáo xuất thân là thành phần nhân dân lao động để nuôi con còn nhỏ trong khi gia đình có hoàn cảnh khó

khẩn về kinh tế và hiện tại bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo (AIDS). Do vậy, cũng cần áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lãnh giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc N phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N với mức án từ 06 năm đến 07 năm tù.

Đề nghị Tòa tổng hợp hợp với bản án hình sự sơ thẩm số 71/2015/HSST ngày 19/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đã giải quyết xong nên không đặt vấn đề để giải quyết.

Xét thấy lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự, vật chứng đã được giải quyết xong tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2016/HSST ngày 15/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc N phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 136; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc N 06 (sáu) năm tù. Tổng hợp hình phạt với bản án hình sự sơ thẩm số 71/2015/HSST ngày 19/8/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã xử phạt bị cáo 06 (sáu) năm tù, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam (08/11/2016) nhưng trừ đi thời gian đã tạm giam giữ từ ngày 17/10/2014 đến ngày 28/11/2014 và từ ngày 16/12/2015 đến ngày 04/01/2016.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Đã được giải quyết xong nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 20; khoản 1 Điều 22 và Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL – UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc N phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Riêng đối với người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án văn hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CA huyện Cao Lãnh;
- THADS huyện Cao Lãnh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VPTA & hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Lê Khắc Thịnh